

Bài 5:

ÁO CHEMISE BÉ TRAI BẦU TENANT

5.1 MỤC TIÊU:

5.1.1 Về kiến thức

Sinh viên có khả năng:

- Thiết kế được các chi tiết sản phẩm áo chemise bé trai bầu tenant theo đúng trình tự.
- Trình bày được cách thức chữa đường may cho chi tiết sản phẩm.

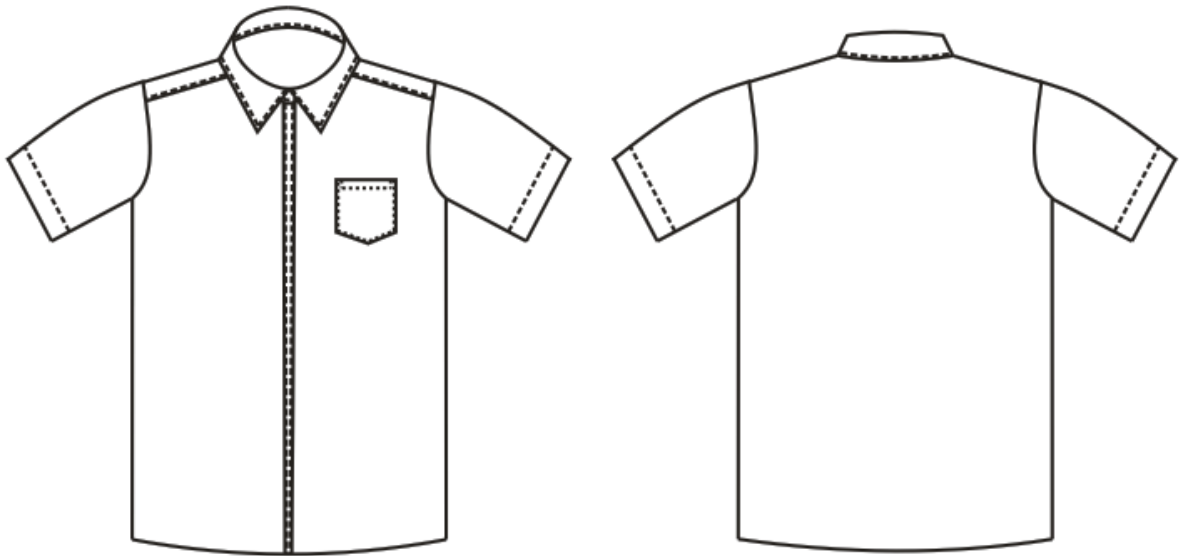
5.1.2 Về kỹ năng

Sinh viên vẽ chính xác các đường cong, đường thẳng của chi tiết sản phẩm theo đúng kỹ thuật, đúng trình tự.

5.1.3 Về thái độ

Sinh viên tích cực học tập, có ý thức lựa chọn và vận dụng phương pháp học tập hiệu quả cho bản thân.

5.2 ĐẶC ĐIỂM HÌNH DÁNG:



Hình 5.2 Hình dáng sản phẩm

5.3 NI MẪU:

Dài áo : 50 cm.

Ngang vai : 30 cm.

Dài tay : Tay dài : 34 cm.

Tay ngắn : 14 cm.

Rộng tay ngắn : 20 cm.

Rộng tay dài : 10 cm.

Vòng cổ : 30 cm.

Vòng ngực : 60 cm.

5.4 THIẾT KẾ:

5.4.1 THÂN TRƯỚC:

Xếp 2 biên vải trùng nhau, mặt úp mặt, biên vải quay về phía người cắt, từ biên vải đo vào 3 cm làm nếp, 1,5 cm khuy nút, vẽ lại phía tay trái, vẽ cổ phía tay phải.

- AB : Số đo – 2cm (chôm vai).

- AA₁ : Vào cổ trước = $\frac{1}{6}$ Cổ

- A₁A₂ : Hạ cổ = $\frac{1}{6}$ Cổ + 1 cm.

- AC : Ngang vai = $\frac{1}{2}$ Vai - 0,5 cm.

- CC₁ : Hạ vai = $\frac{1}{10}$ Vai + 0,5 cm.

- AD : Hạ ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực.

- DN : Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực + 3 cm.

- Vào nách : 1,5 → 2 cm.

- BM : Ngang hông = Ngang ngực.

- BB_1 : Sa vạt = 1,5 cm

- Giảm sườn áo 1 cm.

5.4.2 THÂN SAU:

Từ mép vải đo vào $\frac{1}{4}$ ngực + 3 cm + 1.5 cm chừa đường may. Vải mặt trái, sóng vải xếp đôi quay về phía người cắt

- AB : Số đo + 2 cm (chôm vai).

- AA_1 : Vào cổ sau = $\frac{1}{6}$ Cổ + 1 cm.

- A_1A_2 : Hạ cổ = Chôm vai + 1 cm.

- AC : Ngang vai = $\frac{1}{2}$ Vai + 0.5 cm.

- CC_1 : Hạ vai = $\frac{1}{10}$ Vai.

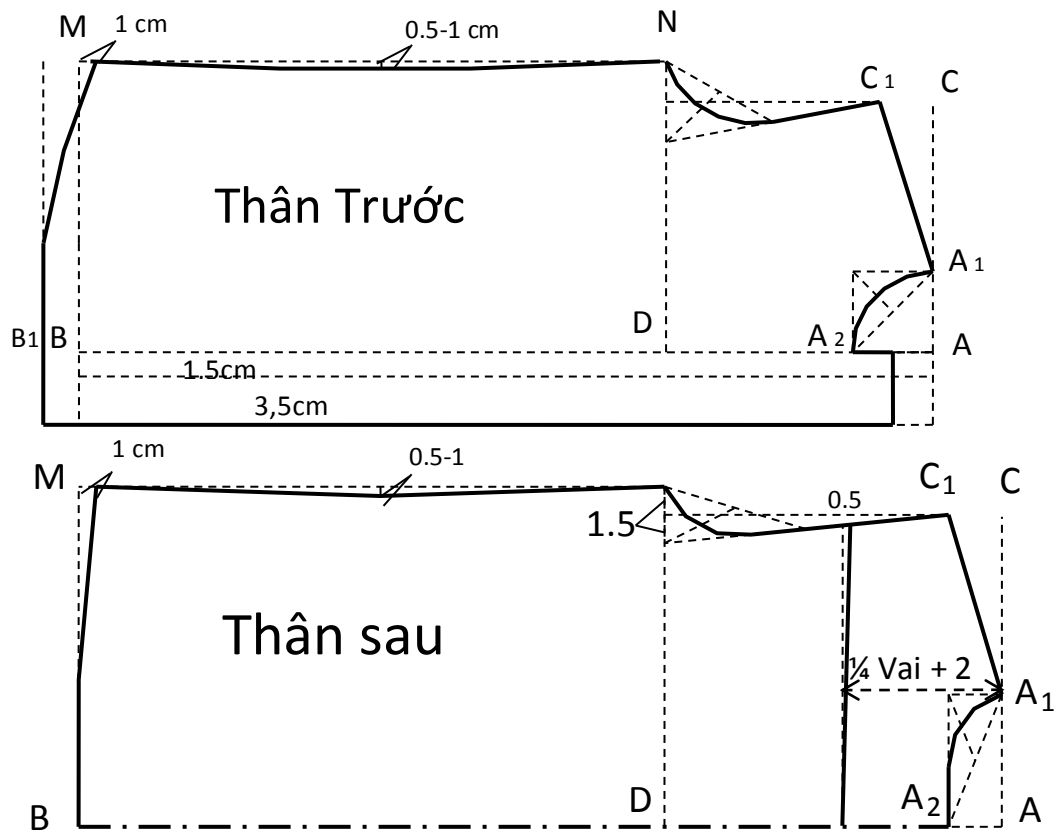
- AD : Hạ nách = $\frac{1}{4}$ Ngực + 4 cm.

- Vào nách : 1,5 cm.

- DN : Ngang ngực = $\frac{1}{4}$ Ngực + 3 cm.

- BM : Ngang hông = Ngang ngực .

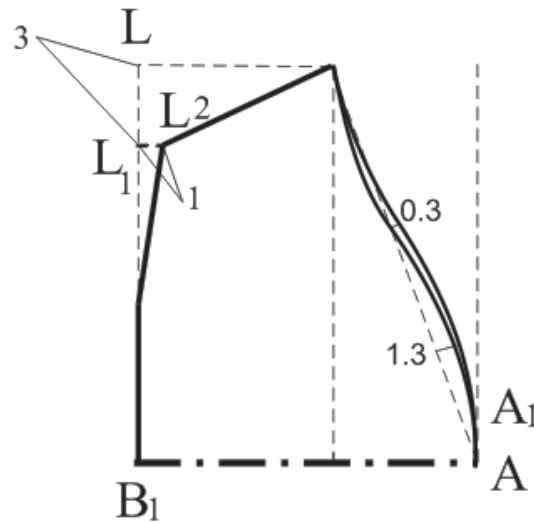
- Giảm sườn áo 1 cm.



Hình 5.3 Thân trước, thân sau

5.4.3 TAY ÁO:

- AB_1 : Dài tay = Số đo.
- AC : Ngang tay = $\frac{1}{4}$ Ngực.
- CD : Hạ nách tay = $\frac{1}{10}$ Ngực + 2 cm.
- AA_1 : 2 cm.
- B_1L = AC .
- LL_1 = 3 cm.
- L_1L_2 = 1 cm.
- Giảm lại tay ngắn 1 cm, giảm sườn tay 0.5 $\rightarrow$ 1 cm.



Hình 5.4 Tay áo

5.4.4 BÂU TENANT:

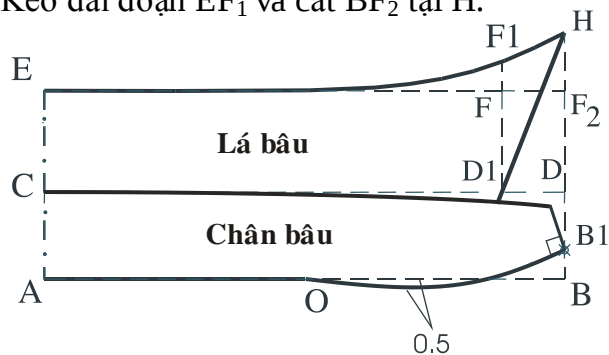
5.4.4.1Chân bâu:

- AB: Dài bâu = $\frac{1}{2}$ Vòng cổ áo.
- AC: To bản bâu = 3cm.
- O là trung điểm AB.
- $BB_1 = 1$ cm.
- Từ B_1 , dựng đường thẳng $\perp$ dài 2cm $\rightarrow B_1D = 2$ cm.
- $DD_1 = 1.5$ cm.

5.4.4.2Lá bâu:

- Vẽ dựa theo chân bâu.
- CE : To bản bâu = AC + 0.5cm.
- Vẽ hình chữ nhật CD_1FE .
- Từ F, kéo dài 1 đoạn $FF_1 = 1 \rightarrow 2$ cm.
- Vẽ $BF_2 \parallel AE$.

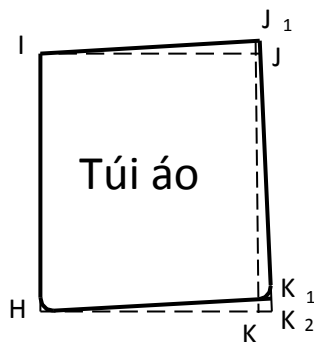
- Kéo dài đoạn EF_1 và cắt BF_2 tại H.



Hình 5.5 Bâu áo

5.4.5 TÚI ÁO:

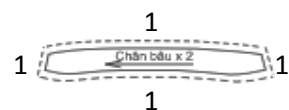
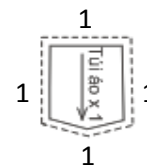
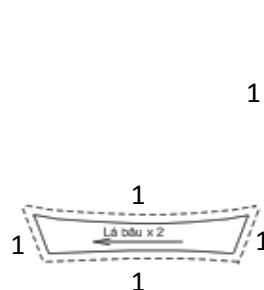
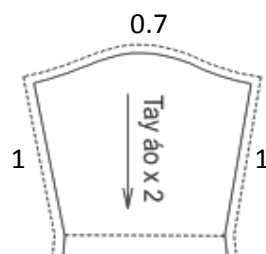
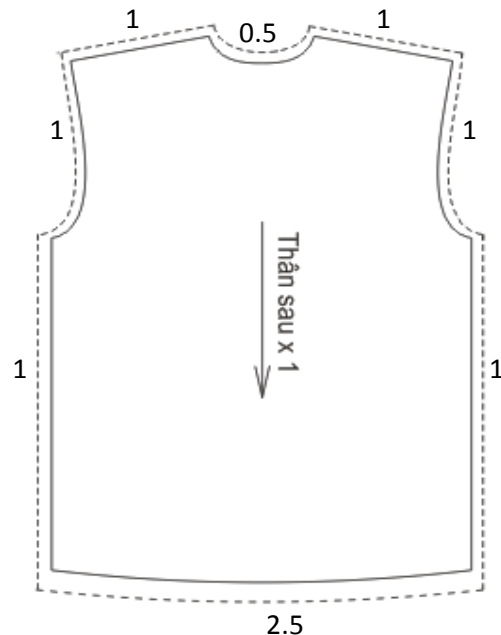
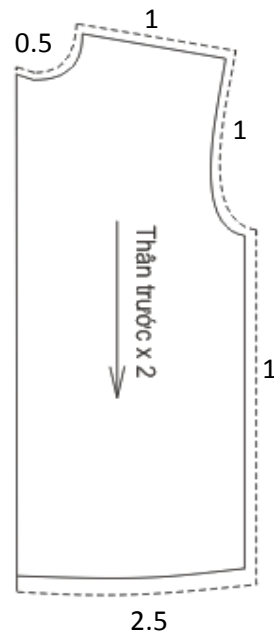
- IJ : Miệng túi = $\frac{1}{4}$ Vai + 1 cm.
- IH : Dài túi = Miệng túi + 1.5 cm.
- HK : Đáy túi = Miệng túi.
- KK_1 = 0.5 cm.
- $JJ_1 = K_1 K_2$ = 0.5 cm.
- Vị trí gắn túi: Thân trước bên trái người mặc, từ A_1 xuống $\frac{1}{2}$ Vòng cổ + 0.5 cm, cách nẹp áo 6 cm.



Hình 5.6 Túi áo

5.5 QUI CÁCH CHỮA ĐƯỜNG MAY:

- Vòng cổ chữa 0.5cm.
- Vai chữa 1cm.
- Vòng nách thân chữa 1cm.
- Đường sườn chữa 1cm.
- Lai thân chữa 2.5 cm.
- Vòng nách tay chữa 0.7cm.
- Đường sườn tay chữa 1cm.
- Lai tay chữa 3cm.
- Lá bầu chữa 1cm.
- Chân bầu chữa 1cm.
- Túi chữa 1 cm.
- Nẹp ve chữa 0.5cm
- Lai chữa 3 cm.



Bài tập luyện tập:

Thiết kế áo bé trai căn bản bâu tenant.

- Tỉ lệ 1:5 trên giấy A4.
- Tỉ lệ 1:1 trên giấy rập cứng.

Với ni mẫu như sau:

Dài áo : 50 cm.

Ngang vai : 30 cm.

Dài tay : Tay dài : 34 cm.

Tay ngắn : 14 cm.

Rộng tay ngắn: 20 cm.

Rộng tay dài: 10 cm.

Vòng cổ : 30 cm.

Vòng ngực : 60 cm.